

<http://dethithu.net>

Mã đề thi 132

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

**Câu 1:** Có 4 tế bào đều có kiểu gen  $\frac{AB}{ab}$  Dd EeGgHh tiến hành giảm phân xảy ra trao đổi đoạn theo lý thuyết, tối đa có thể tạo ra bao nhiêu loại giao tử  
A. 8 B. 12 C. 64 D. 16

**Câu 2:** Cơ sở vật chất di truyền của cừu Đôly được hình thành ở giai đoạn nào trong quy trình nhân bản?

- A. Chuyển phôi vào tử cung của một cừu mẹ để nó mang thai.
- B. Tách tế bào tuyến vú của cừu cho nhân.
- C. Nuôi cấy trên môi trường nhân tạo cho trứng phát triển thành phôi.
- D. Chuyển nhân của tế bào tuyến vú vào tế bào trứng đã bị bỏ nhân.

**Câu 3:** Khi nói về quá trình hình thành loài mới theo quan niệm của thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa xảy ra chủ yếu ở dương xỉ
- B. Hình thành loài bằng con đường cách li địa lý thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.
- C. Hình thành loài bằng con đường sinh thái thường gặp ở thực vật và động vật ít di chuyển xa.
- D. Hình thành loài mới bằng con đường địa lý không có sự hình thành quần thể thích nghi

**Câu 4:** Cho 2 quần thể 1 và 2 cùng loài, kích thước quần thể 1 gấp đôi quần thể 2. Quần thể 1 có tần số alen A=0,2, quần thể 2 có tần số alen A=0,3. Nếu có 40% cá thể của quần thể 1 di cư qua quần thể 2 và 20% cá thể của quần thể 2 di cư qua quần thể 1 thì tần số alen A của 2 quần thể 1 và 2 lần lượt là:

- A. 0,94 và 0,25 B. 0,35 và 0,4 C. 0,4 và 0,3 D. 0,31 và 0,38

**Câu 5:** Lai ruồi giấm thuần chủng: cái mắt đỏ-cánh bình thường x đực mắt trắng – cánh xẻ → F1 100% mắt đỏ-cánh bình thường. Cho F1 x F1 → F2: Ruồi ♂ F2: 135 mắt đỏ, cánh bình thường; 135 mắt trắng, cánh xẻ; 15 mắt đỏ, cánh xẻ; 16 mắt trắng, cánh bình thường. Ruồi ♀ F2: 300 mắt đỏ, cánh bình thường. Xác định phép lai ở F1 và tần số hoán vị gen là:

- A.  $X_B^A X_b^a \times X_b^a Y$ ; f=20 %.
- B.  $X_b^A X_B^a \times X_B^A Y$ ; f=10 %.
- C.  $X_B^A X_b^a \times X_B^A Y$ ; f=10 %.
- D.  $X_b^A X_B^a \times X_b^a Y$ ; f=20 %.

**Câu 6:** Tìm số phát biểu không đúng

1. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể về bản chất có sự sắp xếp lại trong khối gen chỉ trong một nhiễm sắc thể
2. Đột biến thêm một cặp nucleotit là dễ xảy ra nhất
3. Nếu 5BU là đồng phân của T dẫn tới dạng đột biến thay thế 1 cặp A-T bằng 1 cặp G-X
4. phần lớn các đột biến điểm là có hại
5. Đột biến gen xảy ra có tính chất thuận nghịch

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 7:** Cho các cơ thể có kiểu gen dị hợp 2 cặp gen( mỗi cặp gen quy định một cặp tính trạng) lai với nhau tạo ra 4 loại kiểu hình, trong đó loại kiểu hình lặn về 2 tính trạng chiếm 0,09. Phép lai nào sau đây không giải thích đúng kết quả trên?

- A. P đều có kiểu gen  $\frac{AB}{ab}$  với f = 40% xảy ra cả 2 bên.

**B.** Bố có kiểu gen  $\frac{Ab}{aB}$  với  $f = 36\%$ , mẹ có kiểu gen  $\frac{AB}{ab}$  không xảy ra hoán vị gen

**C.** Bố có kiểu gen  $\frac{AB}{ab}$  với  $f = 28\%$ , mẹ có kiểu gen  $\frac{Ab}{aB}$  với  $f = 50\%$

**D.** P đều có kiểu gen  $\frac{Ab}{aB}$ , xảy ra hoán vị gen ở 1 bên với  $f = 36\%$

**Câu 8:** Dạng nào sau đây được coi là một sinh vật chuyển gen?

1. Một vi khuẩn đã nhận các gen thông qua tiếp hợp.
2. Một người qua liệu pháp gen nhận được 1 gen gây đông máu loại chuẩn.
3. Cừu tiết sữa có chứa prôtêin huyết thanh của người.
4. Một người sử dụng insulin do vi khuẩn E.Coli sản xuất để điều trị bệnh đái tháo đường
5. Chuột cống mang gen hemoglobin của thỏ.
6. Gen trong ti thể bị đột biến điểm dẫn tới bệnh động kinh ở người

Đáp án đúng là :

- A.** 1 và 3, 6.                      **B.** 3 và 5.                      **C.** 4 và 5                      **D.** 2 và 3, 5.

**Câu 9:** Ở người gen A: phân biệt được mùi vị. Gen a: không phân biệt được mùi vị. Nếu trong 1 cộng đồng tần số alen  $a=0,3$  thì xác suất của một cặp vợ chồng đều phân biệt được mùi vị có thể sinh ra 3 con trong đó 2 con trai phân biệt được mùi vị và 1 con gái không phân biệt được mùi vị là?

- A.** 1,97%                      **B.** 9,44%                      **C.** 52%                      **D.** 1,12%

**Câu 10:** Các nhân tố tiến hóa phát huy vai trò chủ yếu trong quần thể có kích thước nhỏ nhỏ là:

- A.** Đột biến, di nhập gen.                      **B.** Đột biến, các yếu tố ngẫu nhiên.  
**C.** Đột biến, CLTN.                      **D.** Di nhập gen, các yếu tố ngẫu nhiên

**Câu 11:** Nguồn nguyên liệu thứ cấp của quá trình tiến hoá là

- A.** đột biến.                      **B.** nguồn gen di nhập.                      **C.** biến dị tổ hợp.                      **D.** quá trình giao phối.

**Câu 12:** Để nhân các giống lan quý, các nhà nghiên cứu cây cảnh đã áp dụng phương pháp

- A.** nhân bản vô tính.                      **B.** nuôi cấy tế bào, mô thực vật.  
**C.** dung hợp tế bào trần.                      **D.** nuôi cấy hạt phấn và noãn chưa thụ tinh.

**Câu 13:** Biết quá trình giảm phân xảy ra hoán vị gen giữa B và b với tần số 40% và giữa E và e là 20%

.Một cá thể có kiểu gen  $\frac{Ab}{aB} \frac{DE}{de}$

Tỉ lệ xuất hiện giao tử  $\frac{ab}{de}$

- A.** 8%                      **B.** 4%                      **C.** 16%                      **D.** 12%

**Câu 14:** Tìm số phát biểu đúng:

- (1) Loài muỗi được tạo ra nhờ đột biến đảo đoạn
- (2) Đột biến lặp đoạn tạo gen mới trong tiến hoá
- (3) Chuyển đoạn làm cho các gen alen trên cùng một NST
- (4) Đột biến mất đoạn làm mất cân bằng trong hệ gen
- (5) Đảo đoạn giữ vững mức độ hoạt động của gen
- (6) Đảo đoạn làm mất cân bằng trong hệ gen

- A.** 2                      **B.** 3                      **C.** 4                      **D.** 5

**Câu 15:** Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn, quá trình giảm phân không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả hai giới với tần số 20%. Theo lí thuyết, phép lai

$AaBb \frac{eD}{Ed} \times AaBb \frac{ED}{ed}$  cho đời con có tỉ lệ kiểu gen đồng hợp tử và tỉ lệ kiểu hình trội về cả bốn tính trạng trên lần lượt là

- A.** 8,5 % và 37,125%                      **B.** 4% và 30,375%                      **C.** 4% và 37,125%                      **D.** 8,5% và 19,29%

**Câu 16:** Theo Đacuyn, đối tượng của chọn lọc tự nhiên là

- A.** các cá thể nhưng kết quả của chọn lọc tự nhiên lại tạo nên các quần thể sinh vật có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi với môi trường  
**B.** quần thể nhưng kết quả của chọn lọc tự nhiên lại tạo nên loài sinh vật có kiểu gen quy định các đặc điểm thích nghi với môi trường  
**C.** các cá thể nhưng kết quả của chọn lọc tự nhiên lại tạo nên loài sinh vật có đặc điểm thích nghi với môi trường



C. Nuôi cấy tế bào, mô thực vật.

D. Nuôi cấy hạt phấn.

**Câu 25:** Ở một loài thú, lôcut gen quy định màu sắc lông gồm 2 alen, trong đó các kiểu gen khác nhau về lôcut này quy định các kiểu hình khác nhau; lôcut gen quy định màu mắt gồm 2 alen, alen trội là trội hoàn toàn. Hai lôcut này cùng nằm trên một cặp nhiễm sắc thể thường. Cho biết không xảy ra đột biến, theo lý thuyết, số loại kiểu gen và số loại kiểu hình tối đa về hai lôcut trên là

A. 10 kiểu gen và 6 kiểu hình.

B. 9 kiểu gen và 4 kiểu hình.

C. 9 kiểu gen và 6 kiểu hình.

D. 10 kiểu gen và 4 kiểu hình.

**Câu 26:** Chiều cao cây do 5 cặp gen phân li độc lập tác động cộng gộp, sự có mặt mỗi alen trội làm cây cao thêm 5cm. Cây cao nhất có chiều cao 220 cm. Về mặt lý thuyết, phép lai P: AaBBDDeeFf x AaBbddEeFf cho F<sub>1</sub> có cây cao 190cm và 200cm chiếm tỉ lệ là

A. 45/128 và 30/128.

B. 35/128 và 21/128.

C. 42/128 và 24/128.

D. 12/128 và 21/128

**Câu 27:** Theo quan niệm của Đacuyn về chọn lọc tự nhiên, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Kết quả của chọn lọc tự nhiên là hình thành nên loài sinh vật có các đặc điểm thích nghi với môi trường.

B. Số lượng các cá thể có các biến dị thích nghi sẽ ngày một tăng

C. Chọn lọc tự nhiên là sự phân hóa về khả năng sống sót và khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể.

D. Chọn lọc tự nhiên dẫn đến hình thành các quần thể có nhiều cá thể mang các kiểu gen quy định các đặc điểm thích nghi với môi trường.

**Câu 28:** Đột biến gen làm mất đi 1 axit amin thứ tư trong chuỗi pôlipeptit hoàn chỉnh tương ứng là do đột biến làm

A. mất 3 cặp nuclêôtit kế tiếp trong gen.

B. mất 3 cặp nuclêôtit thứ 10, 11, 12 trong gen.

C. mất 3 cặp nuclêôtit bất kỳ trong gen.

D. mất 3 cặp nuclêôtit thứ 13, 14, 15 trong gen.

**Câu 29:** Tế bào ban đầu có ba cặp NST tương đồng kí hiệu là AaBbDd tham gia nguyên phân. Giả sử một NST của cặp Aa và một NST của cặp Bb không phân li. Có thể gặp các tế bào con có thành phần NST là?

A. AAaaBBDD và AaBBbDd hoặc AAabDd và aBBbDd

B. AaBbDd và AAaBbbdd hoặc AAaBBbDd và abDd

C. AaBBbDd và abDd hoặc AAabDd và aBBbDd

D. AAaBBbDd và abDd hoặc AAabDd và aBBbDd

**Câu 30:** Xác định tỉ lệ loại giao tử bình thường BBb được sinh ra từ các cây đa bội có kiểu gen **BBbbbbb**:

A. 3/20

B. 9/20

C. 3/5

D. 1/5

**Câu 31:** Cho cây lưỡng bội dị hợp tử về ba cặp gen tự thụ phấn. Biết rằng các gen phân li độc lập và không có đột biến xảy ra. tính theo lý thuyết, trong tổng số các cá thể thu được ở đời con, số cá thể có kiểu gen đồng hợp tử về một cặp gen và số cá thể có kiểu gen dị hợp có tỷ lệ lần lượt là:

A. 25% và 50%

B. 12,5% và 87,5%

C. 37,5% và 87,5%

D. 50% và 50%

**Câu 32:** Ở một loài côn trùng ngẫu phối, alen A quy định thân đen, alen a quy định thân trắng. Một quần thể ban đầu (P) có tần số alen A và a lần lượt là 0,4 và 0,6. Do môi trường bị ô nhiễm nên bắt đầu từ đời F<sub>1</sub>, khả năng sống sót của các kiểu hình trội đều bằng nhau và bằng 25%, khả năng sống sót của kiểu hình lặn là 50%. Cấu trúc di truyền của quần thể ở F<sub>2</sub>

A. 0,04AA : 0,12Aa : 0,18aa.

B. 0,09AA : 0,41Aa : 0,5aa.

C. 0,16AA : 0,48Aa : 0,36aa.

D. 0,41AA : 0,09Aa : 0,5aa.

**Câu 33:** Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể nào sau đây góp phần tạo nên loài mới ?

A. Đột biến chuyển đoạn.

B. Đột biến đảo đoạn.

C. Đột biến lặp đoạn, đột biến đảo đoạn.

D. Đột biến chuyển đoạn, đột biến đảo đoạn.

**Câu 34:** Có 400 tế bào có kiểu gen  $\frac{AB}{ab}$  tham gia giảm phân tạo tinh trùng, trong đó có 50 tế bào có diễn ra hiện tượng tiếp hợp trao đổi chéo dẫn đến hoán vị gen số tế bào còn lại thì không. Số lượng loại giao tử không tái tổ hợp  $\frac{AB}{ab}$  theo lý thuyết là bao nhiêu?

A. 750

B. 700

C. 1400

D. 1500

**Câu 35:** Ở một loài thực vật giao phấn, xét một gen có 2 alen, alen A quy định hoa màu đỏ trội không hoàn toàn so với alen a quy định hoa màu trắng, thể dị hợp về cặp gen này có hoa màu hồng. Quần thể nào sau đây của loài trên đang ở trạng thái cân bằng di truyền?

- A. Quần thể gồm tất cả các cây đều có hoa màu hồng.
- B. Quần thể gồm tất cả các cây đều có hoa màu đỏ.
- C. Quần thể gồm các cây có hoa màu đỏ và các cây có hoa màu trắng.
- D. Quần thể gồm các cây có hoa màu đỏ và các cây có hoa màu hồng.

**Câu 36:** Hạt phấn của hoa mướp rơi lên đầu nhụy của hoa bí, sau đó hạt phấn nảy mầm thành ống phấn nhưng độ dài ống phấn ngắn hơn vòi nhụy của bí nên giao tử đực của mướp không tới được noãn của hoa bí để thụ tinh. Đây là loại cách li nào?

- A. Cách li cơ học.
- B. Cách li sinh thái.
- C. Cách li tập tính.
- D. Cách li không gian.

**Câu 37:** Các cơ quan nào sau đây được gọi là cơ quan tương đồng với nhau?

- A. Tay người và cánh chim
- C. Chân vịt và cánh gà.
- B. Gai hoa hồng và gai xương rồng
- D. Vây cá voi và vây cá chép

**Câu 38:** Ở một loài động vật, cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, trội hoàn toàn, trong quá trình giảm phân đã xảy ra hoán vị gen ở cả hai giới với tần số như nhau. Phép lai P: ♀  $\frac{AB}{ab}$  Dd × ♂  $\frac{AB}{ab}$  Dd thu được F<sub>1</sub> có tỉ lệ kiểu hình lặn về cả 3 tính trạng chiếm tỉ lệ 4%. Có bao nhiêu dự đoán sau đây là đúng với kết quả ở F<sub>1</sub>?

- (1) Có 30 loại kiểu gen và 8 loại kiểu hình.
- (2) Tỉ lệ kiểu hình có 2 trong 3 tính trạng trội chiếm tỉ lệ 30%.
- (3) Tỉ lệ kiểu hình mang 1 trong 3 tính trạng trội chiếm 16,5%.
- (4) Kiểu gen dị hợp về 3 cặp gen chiếm tỉ lệ 36%.
- (5) Trong số các cá thể có kiểu hình mang 3 tính trạng trội, cá thể thuần chủng chiếm tỉ lệ 8/99.
- A. 2.
- B. 5.
- C. 3.
- D. 4.

**Câu 39:** Ở phép lai  $X^A X^a \frac{BD}{bd} \times X^a Y \frac{Bd}{bD}$ , nếu có hoán vị gen ở cả 2 giới, mỗi gen qui định một tính trạng và các gen trội hoàn toàn thì số loại kiểu gen và kiểu hình ở đời con là:

- A. 40 loại kiểu gen, 8 loại kiểu hình
- B. 20 loại kiểu gen, 16 loại kiểu hình.
- C. 40 loại kiểu gen, 16 loại kiểu hình..
- D. 20 loại kiểu gen, 8 loại kiểu hình.

**Câu 40:** Trong các phát biểu sau đây, có bao nhiêu phát biểu **không** đúng?

- (1) Một mã di truyền luôn mã hoá cho một loại axit amin.
- (2) Đơn phân cấu trúc của ARN gồm 4 loại nuclêôtit là A, U, G, X.
- (3) Ở sinh vật nhân thực, axit amin mở đầu cho chuỗi pôlipeptit là metiônin.
- (4) Phân tử tARN và rARN là những phân tử có nguyên tắc bổ sung
- (5) Ở trong tế bào, trong các loại ARN thì rARN có hàm lượng cao nhất.
- (6) có 61 bộ ba tham gia mã hoá axitamin
- (7) Trên phân tử mARN có vị trí đặc hiệu để riboxom nhận biết bám vào tham gia dịch mã
- A. 2.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 4.

**Câu 41:** Có hai giống lúa, một giống có gen quy định khả năng kháng bệnh X, một giống có gen quy định khả năng kháng bệnh Y các gen này nằm trên các NST tương đồng khác nhau. Bằng phương pháp gây đột biến, người ta có thể tạo ra giống lúa mới có hai gen kháng bệnh X và Y luôn di truyền cùng nhau. Dạng đột biến hình thành nên giống lúa mới này nhiều khả năng là đột biến:

- A. lặp đoạn
- B. chuyển đoạn
- C. mất đoạn
- D. đảo đoạn

**Câu 42:** Trong các phát biểu sau đây, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Trong quá trình nhân đôi ADN, enzym ADN pôlimeraza không tham gia tháo xoắn phân tử ADN.
- (2) Trong quá trình nhân đôi ADN, enzym nối ligaza chỉ tác động lên một trong hai mạch đơn mới được tổng hợp từ một phân tử ADN mẹ.
- (3) Trong quá trình nhân đôi ADN, có sự liên kết bổ sung giữa A với T, G với X và ngược lại.
- (4) Ở vi khuẩn, sự nhân đôi ADN xảy ra ở nhiều đơn vị nhân đôi (nhiều đơn vị tái bản).
- (5) Trong quá trình phiên mã, chỉ có sự liên kết bổ sung giữa A với T, G với X.
- (6) trong dịch mã xảy ra nguyên tắc bổ sung trên tất cả các nucleotit trên mARN
- A. 2.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 5.



**Câu 43:** Ở một loài thực vật, gen A quy định thân cao, alen a quy định thân thấp; gen B quy định quả màu đỏ, gen b quy định quả màu vàng; gen D quy định quả tròn, alen d quy định quả dài. Biết rằng các gen trội là trội hoàn toàn. Cho giao phấn cây thân cao, quả đỏ, tròn với cây thân thấp, quả vàng, dài thu được F<sub>1</sub> gồm 1602 cây thân cao, quả màu đỏ, dài : 1601 cây thân cao, quả màu vàng, dài : 1600 cây thân thấp, quả màu đỏ, tròn : 1599 cây thân thấp, quả màu vàng, tròn. Trong trường hợp không xảy ra hoán vị gen, sơ đồ lai nào dưới đây cho kết quả phù hợp với phép lai trên?

- A.  $Aa \frac{BD}{bd} \times aa \frac{bd}{bd}$       B.  $\frac{AD}{ad} Bb \times \frac{ad}{ad} bb$       C.  $\frac{Ad}{aD} Bb \times \frac{ad}{ad} bb$       D.  $\frac{AB}{ab} Dd \times \frac{ab}{ab} dd$

**Câu 44:** Cho các thành phần sau 1. Gen; 2. mARN; 3. Axit amin; 4. tARN; 5. Ribôxôm; 6. enzym. Có bao nhiêu thành phần tham gia trực tiếp vào quá trình tổng hợp chuỗi pôlypeptit?

- A. 6      B. 5      C. 3      D. 4

**Câu 45:** Cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gen là sự

- A. trao đổi đoạn tương ứng giữa 2 crômatit cùng nguồn gốc ở kì đầu của giảm phân I.  
B. trao đổi chéo giữa 2 crômatit “không chị em” trong cặp NST tương đồng ở kì đầu giảm phân I.  
C. tiếp hợp giữa các nhiễm sắc thể tương đồng tại kì đầu của giảm phân I.  
D. tiếp hợp giữa 2 crômatit cùng nguồn gốc ở kì đầu của giảm phân I.

**Câu 46:** Tạo sinh vật biến đổi gen bằng các phương pháp nào sau đây:

1. Đưa thêm gen lạ vào hệ gen.
2. Thay thế nhân tế bào
3. Làm biến đổi một gen đã có sẵn trong hệ gen
4. Lai hữu tính giữa các dòng thuần chủng
5. Loại bỏ hoặc làm bất hoạt một gen nào đó trong hệ gen

Phương án đúng là:

- A. 1,3,5      B. 1,2,3      C. 3,4,5      D. 2,4,5

**Câu 47:** Đối với quá trình tiến hoá nhỏ, nhân tố đột biến có vai trò cung cấp:

- A. Các alen mới, làm thay đổi tần số alen theo một hướng xác định  
B. Nguồn nguyên liệu thứ cấp cho chọn lọc tự nhiên.  
C. Các biến dị tổ hợp, làm tăng sự đa dạng của di truyền quần thể.  
D. Các alen mới, làm thay đổi tần số alen của quần thể một cách chậm chạp

**Câu 48:** Ở một loài thực vật, nếu trong kiểu gen có mặt cả hai alen trội A và B thì cho kiểu hình thân cao, nếu thiếu một hoặc cả hai alen trội nói trên thì cho kiểu hình thân thấp. Alen D quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen d quy định hoa trắng. Cho giao phấn giữa các cây dị hợp về 3 cặp gen trên thu được đời con phân li theo tỉ lệ 9 cây thân cao, hoa đỏ : 3 cây thân thấp, hoa đỏ : 4 cây thân thấp, hoa trắng. Biết các gen quy định các tính trạng này nằm trên nhiễm sắc thể thường, quá trình giảm phân không xảy ra đột biến và hoán vị gen. Phép lai nào sau đây là phù hợp với kết quả trên?

- A.  $\frac{Abd}{aBD} \times \frac{Abd}{aBD}$       B.  $\frac{ABD}{abd} \times \frac{AbD}{aBd}$       C.  $\frac{AD}{ad} Bb \times \frac{AD}{ad} Bb$       D.  $Aa \frac{Bd}{bD} \times Aa \frac{Bd}{bD}$

**Câu 49:** Gen A nằm trên nhiễm sắc thể X không có alen trên Y có 5 alen, gen B nằm trên nhiễm sắc thể thường có 2 alen, gen D nằm trên nhiễm sắc thể Y không có alen trên X có 2 alen. Số kiểu gen và số kiểu giao phối tối đa trong quần thể về 3 gen này là:

- A. 75 và 2850.      B. 135 và 2850.      C. 135 và 1350.      D. 75 và 1350

**Câu 50:** Trong quần thể của một loài động vật có vú, xét một gen có hai alen: A quy định lông đen trội hoàn toàn so với a quy định lông trắng. Biết không có đột biến xảy ra và quá trình ngẫu phối đã tạo ra trong quần thể 7 kiểu gen về gen này. Cho con đực lông đen thuần chủng giao phối với con cái lông trắng, thu được F<sub>1</sub>. Cho các cá thể F<sub>1</sub> ngẫu phối với nhau, tỉ lệ phân li kiểu hình ở đời con sẽ là

- A. 50% con đực lông đen : 25% con cái lông đen : 25% con cái lông trắng  
B. 50% con cái lông đen : 25% con đực lông đen : 25% con đực lông trắng  
C. 25% con đực lông đen : 25% con đực lông trắng : 25% con cái lông đen : 25% con cái lông trắng  
D. 75% con đực lông đen : 25% con cái lông trắng

----- HẾT -----